

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM ĐƯƠNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 29
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đuống (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đuống được thành lập và hoạt động theo Đăng ký kinh doanh số 2300109153 đăng ký lần đầu ngày ngày 15 tháng 05 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 20 tháng 4 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại phố Đông Côi, phường Hồ, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

BAN LÃNH ĐẠO VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Lãnh đạo đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lưu Văn Khang	Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Duyệt	Giám đốc
Ông Trần Đình Thông	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Toàn	Phó Giám đốc
Ông Ngô Văn Khích	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Nam	Phó Giám đốc
Bà Vũ Thanh Nga	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát là:

Ông Nguyễn Văn Độ	Kiểm soát viên
-------------------	----------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đường

Phố Đông Côi, phường Hồ, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 01 năm 2024



TM. Ban Lãnh đạo

Chủ tịch

Lưu Văn Khang



Số: 01/2024/ASCO/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu và Ban Lãnh đạo
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đuống**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đuống được lập ngày 30 tháng 01 năm 2024, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê Hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị hàng tồn kho là 1.036.846.895 VND. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục thay thế. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về tính hiện hữu và đánh giá cũng như chưa thể xác định liệu có cần điều chỉnh số dư liên quan đến Hàng tồn kho và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính cho năm tài chính của Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đuống tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO

Phó Tổng Giám đốc



Phan Đình Dũng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4887-2024-149-1

Kiểm toán viên

Tường Thế Đức

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 5669-2023-149-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		17.535.317.677	17.706.333.989
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	13.857.950.817	11.041.802.756
111 1. Tiền		13.857.950.817	11.041.802.756
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.501.901.139	2.998.228.335
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	759.028.600	968.076.702
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	46.274.100	251.905.911
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.001.934.024	1.083.581.307
137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(147.827.041)	(147.827.041)
139 5. Tài sản thiếu chờ xử lý		842.491.456	842.491.456
140 IV. Hàng tồn kho	8	1.175.465.721	3.665.484.716
141 1. Hàng tồn kho		1.175.465.721	3.665.484.716
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		-	818.182
153 1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	-	818.182
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		781.907.117.723	756.410.047.099
220 II. Tài sản cố định		756.866.215.723	701.207.355.195
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	756.866.215.723	701.207.355.195
222 - Nguyên giá		889.799.551.604	824.414.689.804
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(132.933.335.881)	(123.207.334.609)
227 2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228 - Nguyên giá		49.000.000	49.000.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(49.000.000)	(49.000.000)
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	25.040.902.000	54.981.075.000
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		25.040.902.000	54.981.075.000
260 VI. Tài sản dài hạn khác		-	221.616.904
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	12	-	221.616.904
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		799.442.435.400	774.116.381.088

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		17.206.252.224	16.632.092.870
310 I. Nợ ngắn hạn		17.206.252.224	16.632.092.870
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	7.715.856.405	6.550.111.869
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	-	53.485.804
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	598.118.782	102.479.900
318 4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	2.661.096	143.770.895
319 5. Phải trả ngắn hạn khác	17	6.873.140.412	7.609.399.458
320 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	580.000.000	230.000.000
322 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.436.475.529	1.942.844.944
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		782.236.183.176	757.484.288.218
410 I. Vốn chủ sở hữu	19	780.457.326.688	755.705.431.730
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		780.009.208.477	733.252.010.017
418 2. Quỹ đầu tư phát triển		211.170.087	208.419.589
422 3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		236.948.124	22.245.002.124
430 II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		1.778.856.488	1.778.856.488
432 1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		1.778.856.488	1.778.856.488
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		799.442.435.400	774.116.381.088

Người lập biểu

Nguyễn Đình Thiện

Kế toán trưởng

Vũ Thanh Nga

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Chủ tịch



Lưu Văn Khang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	104.825.640.304	99.957.067.180
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		104.825.640.304	99.957.067.180
11	3. Giá vốn hàng bán	21	92.844.026.290	88.494.774.211
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.981.614.014	11.462.292.969
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	60.144.216	39.858.064
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	12.109.875.396	11.605.855.969
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(68.117.166)	(103.704.936)
31	8. Thu nhập khác	24	79.577.575	449.940.006
32	9. Chi phí khác		-	17.260.000
40	10. Lợi nhuận khác		79.577.575	432.680.006
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.460.409	328.975.070
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	2.292.082	65.795.014
60	13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.168.327	263.180.056

Người lập biểu

Nguyễn Đình Thiện

Kế toán trưởng

Vũ Thanh Nga

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 01 năm 2024



Chủ tịch

Lưu Văn Khang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	103.338.501.818	96.825.642.000
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(47.616.008.292)	(50.168.726.714)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(37.490.367.436)	(36.900.441.934)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(575.751)	(1.051.474)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.035.174.336	2.426.391.339
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(20.894.408.193)	(17.535.783.779)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.627.683.518)	(5.353.970.512)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(19.424.710.460)	(41.871.816.077)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	59.856.363	75.500.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	60.144.216	39.238.464
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(19.304.709.881)	(41.757.077.613)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	23.398.541.460	49.102.550.077
33	2. Tiền thu từ đi vay	1.910.000.000	1.490.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay	(1.560.000.000)	(1.541.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	23.748.541.460	49.051.550.077
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	2.816.148.061	1.940.501.952
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	11.041.802.756	9.101.300.804
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 13.857.950.817	11.041.802.756

Người lập biểu

Nguyễn Đình Thiện

Kế toán trưởng

Vũ Thanh Nga

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 01 năm 2024



Lưu Văn Khang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đuống được thành lập và hoạt động theo Đăng ký kinh doanh số 2300109153 đăng ký lần đầu ngày ngày 15 tháng 05 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 20 tháng 4 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại phố Đông Côi, phường Hồ, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy lợi Nam Đuống là Công ty TNHH MTV do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 448 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 451 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty cung cấp dịch vụ công ích liên quan đến hoạt động thủy lợi.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quản lý vận hành công trình thủy lợi, phục vụ tưới tiêu cho nông nghiệp, dân sinh, công nghiệp và đô thị;
- Cấp nước thô cho nuôi trồng thủy sản, các nhà máy sản xuất nước sạch cho sinh hoạt và công nghiệp;
- Thi công xây dựng công trình thủy lợi, đê điều, kênh mương;
- Giám sát công trình thủy lợi cấp II, dân dụng và công nghiệp đến cấp III;
- Thiết kế các công trình thủy lợi cấp IV;
- Thiết kế cơ điện các công trình thủy lợi đến cấp III;
- Thẩm tra thiết kế các công trình thủy lợi, thẩm tra thiết kế cơ điện các công trình thủy lợi.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Đầu tư dịch vụ và Xây dựng Nam Đuống	Phố Vàng, xã Nghĩa Đạo, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sửa chữa, xây lắp công trình thủy lợi
Xí nghiệp Tư vấn xây dựng Nam Đuống	Phố Đông Côi, phường Hồ, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Khảo sát, tư vấn thiết kế
Ban quản lý dự án đầu tư công trung hạn	Phố Đông Côi, phường Hồ, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Quản lý dự án trung hạn

Đây là các đơn vị hạch toán độc lập.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ/hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	10 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Các tài sản khác	10 năm

2.8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm khoản sửa chữa lớn và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.12 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh theo các quy định hiện hành.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi các Xí nghiệp hạch toán độc lập có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Xí nghiệp trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo quy định hiện hành về phân phối lợi nhuận của Doanh nghiệp sở hữu 100% Vốn Nhà nước:

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

2.14 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm cho thuê đất đặt trạm thu phát sóng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.16 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	748.133.691	562.114.050
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.109.817.126	10.479.688.706
	13.857.950.817	11.041.802.756

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Xí nghiệp Đầu tư phát triển Thủy lợi Gia Lâm	514.591.416	-	473.870.674	-
Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Văn Lâm	4.977.960	-	183.122.740	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	239.459.224	147.827.041	311.083.288	147.827.041
	759.028.600	147.827.041	968.076.702	147.827.041

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần TL Tâm Đắc	41.186.100	-	-	-
Điện lực Thuận Thành	-	-	186.514.633	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Thương mại Phú Quang	-	-	65.391.278	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	5.088.000	-	-	-
	46.274.100	-	251.905.911	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Hưng Hải	8.651.000	-	-	-
UBND xã Nguyệt Đức	-	-	25.141.000	-
Phải thu khác	993.283.024	-	1.058.440.307	-
	1.001.934.024	-	1.083.581.307	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Hợp tác xã Tam Á	36.115.617	-	36.115.617	-
Hợp tác xã Cẩm Hưng	33.323.040	-	33.323.040	-
Xí nghiệp Tam Thiên Mẩu	27.452.000	-	27.452.000	-
Hợp tác xã Trà Lâm	24.890.583	-	24.890.583	-
Hợp tác xã Ngọc Khám - Gia Đông	16.842.892	-	16.842.892	-
Hợp tác xã Ninh Xá	9.202.909	-	9.202.909	-
	147.827.041	-	147.827.041	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.028.864.682	-	3.592.221.446	-
Công cụ, dụng cụ	7.982.213	-	10.327.252	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	138.618.826	-	62.936.018	-
	1.175.465.721	-	3.665.484.716	-

9 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Cứng hóa kênh tưới trạm bơm Cầu Móng (i)	4.054.671.000	290.089.000
Cải tạo nâng cấp trạm bơm Hiệp Sơn (ii)	3.783.060.000	1.362.375.000
Cải tạo nâng cấp trạm bơm Ngọc Thượng (iii)	3.464.224.000	3.335.692.000
Xây dựng Trạm bơm tiêu Nghi An I (iv)	-	23.653.807.000
Công trình khác	13.738.947.000	26.339.112.000
	25.040.902.000	54.981.075.000

(i) Cứng hóa tuyến kênh dài khoảng 800m từ kênh trạm bơm Cầu Móng hiện có và xây dựng các công trình trên kênh, đảm bảo tưới chủ động cho 75ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp và tiêu cho 103ha của xã Xuân Lai, huyện Gia Bình. Tổng mức đầu tư được duyệt là 4.261.563.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2023 dự án đang được triển khai.

(ii) Xây dựng lại trạm bơm và các công trình phụ trợ đồng bộ, làm nhà trực vận hành, cải tạo hệ thống kênh tưới nhằm nâng cao, đảm bảo khả năng tưới, tiêu cho 80ha đất nông nghiệp và tự nhiên của xã Đông Cứu. Tổng mức đầu tư được duyệt là 4.102.858.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2023 dự án đang được triển khai.

(iii) Xây dựng lại trạm bơm, bể hút, bể xả và các công trình phụ trợ; làm nhà trực vận hành; cứng hóa đoạn kênh xả tưới nhánh Nam dài 150. Tôn cao kênh tưới dài 01 km từ bể xả trạm bơm. Mục tiêu đảm bảo khả năng tưới cho 265ha cho xã Phú Hòa và phục vụ công tác quản lý vận hành của trạm bơm Ngọc Thượng. Tổng mức đầu tư được duyệt là 3.889.453.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2023 dự án đang được triển khai.

(iv) Xây dựng trạm bơm tiêu Nghi An I và các công trình phụ trợ để chủ động tiêu úng cho khoảng 327ha đồng thời cùng với các trạm bơm Nghĩa Đạo và Nghi Khúc đảm bảo năng lực tiêu cho toàn bộ khu tiêu Nghĩa Đạo - Nghi Khúc. Tổng mức đầu tư dự kiến là 29.985.000.000 đồng. Ngày 20/12/2023, Dự án đã được UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt quyết toán theo Quyết định số 2342/QĐ-UBND, cho phép Công ty tiếp nhận tài sản với giá trị 23.980.885.000 đồng.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Công VND
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	668.134.767.520	148.625.751.284	1.097.712.000	6.556.459.000	824.414.689.804
- Phân loại lại tài sản cố định	-	6.105.359.000	-	(6.105.359.000)	-
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	45.835.865.000	20.635.753.800	-	-	66.471.618.800
- Thanh lý, nhượng bán	-	(363.496.000)	-	-	(363.496.000)
- Giảm khác (i)	(716.827.000)	(6.434.000)	-	-	(723.261.000)
Số dư cuối năm	713.253.805.520	174.996.934.084	1.097.712.000	451.100.000	889.799.551.604
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	69.544.620.639	52.466.560.553	748.070.401	448.083.016	123.207.334.609
- Điều chỉnh lại khấu hao thanh lý tài sản năm 2022	309.600.000	(309.600.000)	-	-	-
- Khấu hao trong năm	3.315.814.522	6.697.484.966	73.180.800	3.016.984	10.089.497.272
- Thanh lý, nhượng bán	-	(363.496.000)	-	-	(363.496.000)
Số dư cuối năm	73.170.035.161	58.490.949.519	821.251.201	451.100.000	132.933.335.881
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	598.590.146.881	96.159.190.731	349.641.599	6.108.375.984	701.207.355.195
Tại ngày cuối năm	640.083.770.359	116.505.984.565	276.460.799	-	756.866.215.723

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 8.346.099.235 đồng.

- Thuyết minh số liệu và các giải trình:

(i) Điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản cố định theo các quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của Sở Tài chính.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu năm	49.000.000	49.000.000
Số dư cuối năm	49.000.000	49.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	49.000.000	49.000.000
Số dư cuối năm	49.000.000	49.000.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 49.000.000 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	221.616.904
	-	221.616.904

13 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bà Lê Thị Thu Hằng (i)	-	-	85.000.000	55.000.000	30.000.000	30.000.000
Ông Lưu Văn Phùng (ii)	130.000.000	130.000.000	710.000.000	380.000.000	460.000.000	460.000.000
Ông Nguyễn Văn Thiện (iii)	-	-	70.000.000	-	70.000.000	70.000.000
Ông Đoàn Văn Khánh	-	-	345.000.000	345.000.000	-	-
Ông Nguyễn Sỹ Thiệu	50.000.000	50.000.000	180.000.000	230.000.000	-	-
Bà Dương Thị Hà (iv)	50.000.000	50.000.000	340.000.000	370.000.000	20.000.000	20.000.000
Bà Nguyễn Thị Hà	-	-	180.000.000	180.000.000	-	-
	230.000.000	230.000.000	1.910.000.000	1.560.000.000	580.000.000	580.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(i) Vay ngắn hạn Bà Lê Thị Thu Hằng gồm các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay tiền ngày 09/09/2023 bao gồm các điều khoản chi tiết:
 + Số tiền vay: 10.000.000 VND;
 + Mục đích vay: Vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động;
 + Thời hạn vay: Khi bên vay cần rút bảo trước bên cho vay 05 ngày;
 + Lãi suất cho vay: 0%;
- + Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2023 là 10.000.000 VND.

- Hợp đồng vay tiền ngày 09/11/2023 bao gồm các điều khoản chi tiết:
 + Số tiền vay: 20.000.000 VND;
 + Mục đích vay: Vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động;

13 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN (Tiếp theo)

- + Thời hạn vay: Khi bên vay cần rút báo trước bên cho vay 05 ngày;
- + Lãi suất cho vay: 0%;
- + Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2023 là 20.000.000 VND.

- (ii) Vay ngắn hạn Ông Lưu Văn Phùng gồm các hợp đồng sau:
 - Hợp đồng vay tiền ngày 22/09/2023 bao gồm các điều khoản chi tiết:
 - + Số tiền vay: 60.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động;
 - + Thời hạn vay: Khi bên vay cần rút báo trước bên cho vay 05 ngày;
 - + Lãi suất cho vay: 0%;
 - + Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2023 là 60.000.000 VND.

 - Hợp đồng vay tiền ngày 31/10/2023 bao gồm các điều khoản chi tiết:
 - + Số tiền vay: 200.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động;
 - + Thời hạn vay: Khi bên vay cần rút báo trước bên cho vay 05 ngày;
 - + Lãi suất cho vay: 0%;
 - + Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2023 là 200.000.000 VND.

 - Hợp đồng vay tiền ngày 14/12/2023 bao gồm các điều khoản chi tiết:
 - + Số tiền vay: 100.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động;
 - + Thời hạn vay: Khi bên vay cần rút báo trước bên cho vay 05 ngày;
 - + Lãi suất cho vay: 0%;
 - + Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2023 là 100.000.000 VND.

13 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN (Tiếp theo)

- Hợp đồng vay tiền ngày 30/12/2023 bao gồm các điều khoản chi tiết:
- + Số tiền vay: 100.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: Khi bên vay cần rút báo trước bên cho vay 05 ngày;
- + Lãi suất cho vay: 0%;
- + Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2023 là 100.000.000 VND.

(iii) Vay ngắn hạn Ông Nguyễn Văn Thiện theo hợp đồng vay tiền ngày 27/11/2023 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 70.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: Khi bên vay cần rút báo trước bên cho vay 05 ngày;
- + Lãi suất cho vay: 0%;
- + Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2023 là 70.000.000 VND.

(iv) Vay ngắn hạn Bà Dương Thị Hà theo hợp đồng vay tiền ngày 28/12/2023 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 20.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: 01 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 0%;
- + Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2023 là 20.000.000 VND.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Ninh	1.205.989.000	1.205.989.000	995.681.000	995.681.000
Công ty Tư vấn Xây dựng và Thương mại Tuấn Minh	744.519.000	744.519.000	148.947.000	148.947.000
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại MTV	602.354.000	602.354.000	46.136.000	46.136.000
Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	575.059.000	575.059.000	1.231.156.000	1.231.156.000
Phải trả các đối tượng khác	4.587.935.405	4.587.935.405	4.128.191.869	4.128.191.869
	7.715.856.405	7.715.856.405	6.550.111.869	6.550.111.869

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ủy ban nhân dân xã Trùng Xá	-	20.000.000
Ủy ban nhân dân xã Ngũ Thái	-	20.341.804
Các khoản người mua trả tiền trước khác	-	13.144.000
	-	53.485.804

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	818.182	95.203.426	372.660.898	227.024.505	-	240.021.637
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.849.984	2.292.082	1.854.270	-	2.287.796
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	8.187.437	8.187.437	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	65.570.323	65.570.323	-	-
Các loại thuế khác, phí khác	-	-	12.498.451	12.498.451	-	-
Các khoản Thủy lợi phí và trợ giá	-	5.426.490	109.768.193.540	109.417.810.681	-	355.809.349
	818.182	102.479.900	110.229.402.731	109.732.945.667	-	598.118.782

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



17 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	5.911.212	33.938.524
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.867.229.200	7.575.460.934
- <i>Dabaco hỗ trợ kinh phí tiền xây dựng cụm Hồ-Trung tâm (i)</i>	5.280.489.800	5.282.369.800
- <i>Ban Quản lý Dự án Sửa chữa lớn tài sản kết cấu Hạ tầng thủy lợi năm 2023</i>	771.131.000	-
- <i>Ban Quản lý Dự án Sửa chữa lớn tài sản kết cấu Hạ tầng thủy lợi năm 2022</i>	-	868.659.000
- <i>Phải trả khác</i>	815.608.400	1.424.432.134
	6.873.140.412	7.609.399.458

(i): Đây là khoản hỗ trợ của Dabaco theo Quyết định số 250/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ngày 03/3/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng Trụ sở cụm thủy nông Hồ, huyện Thuận Thành cho Công ty.

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Doanh thu nhận trước từ các hoạt động	2.661.096	143.770.895
	2.661.096	143.770.895

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH		Quy đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Nguồn vốn đầu tư XDCB		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	685.827.818.730	129.465.572	-	-	-	-	40.038.984.630	725.996.268.932	-	725.996.268.932
Tăng vốn trong năm trước	13.205.192.000	-	-	-	-	-	57.807.742.077	71.012.934.077	-	71.012.934.077
Lãi trong năm trước	-	-	-	263.180.056	-	-	-	263.180.056	-	263.180.056
Chuyển nguồn	62.396.532.583	-	-	-	-	-	(62.396.532.583)	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	78.954.017	-	(263.180.056)	-	-	-	(184.226.039)	-	(184.226.039)
Điều chuyển cho đơn vị khác	(24.164.360.000)	-	-	-	-	-	-	(24.164.360.000)	-	(24.164.360.000)
Giảm do thanh lý tài sản	(4.013.173.296)	-	-	-	-	-	(13.205.192.000)	(17.218.365.296)	-	(17.218.365.296)
Số dư cuối năm trước	733.252.010.017	208.419.589	-	-	-	-	22.245.002.124	755.705.431.730	-	755.705.431.730
Tăng vốn trong năm nay (i)	24.057.555.000	-	-	-	-	-	25.374.703.460	49.432.258.460	-	49.432.258.460
Lãi trong năm nay	-	-	-	9.168.327	-	-	-	9.168.327	-	9.168.327
Chuyển nguồn	22.776.313.460	-	-	-	-	-	(46.757.198.460)	(23.980.885.000)	-	(23.980.885.000)
Điều chỉnh giảm trong năm (ii)	(76.670.000)	-	-	-	-	-	(625.559.000)	(702.229.000)	-	(702.229.000)
Phân phối lợi nhuận (iii)	-	2.750.498	-	(9.168.327)	-	-	-	(6.417.829)	-	(6.417.829)
Số Số dư cuối năm nay	780.009.208.477	211.170.087	-	-	-	-	236.948.124	780.457.326.688	-	780.457.326.688

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

- (i) Tăng vốn thông qua việc nhận tài trợ vốn đầu tư XD CB;
- (ii) Giảm nguồn vốn do điều chỉnh gồm:
 - + Giảm Vốn đầu tư của CSH số tiền 76.670.000 đồng theo Quyết định số 2342/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án Xây dựng Trạm bơm Tiều Nghi An 1
 - + Giảm nguồn vốn đầu tư XD CB số tiền 625.559.000 đồng do thuộc loại chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản theo các quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của Sở Tài chính
- (iii) Trong năm Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận theo quy định hiện hành như sau:
 - Trích Quỹ đầu tư phát triển: 2.750.498 VND
 - Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 6.417.829 VND

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	104.825.640.304	99.957.067.180
	104.825.640.304	99.957.067.180

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	92.844.026.290	88.494.774.211
	92.844.026.290	88.494.774.211

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	60.144.216	39.858.064
	60.144.216	39.858.064

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu quản lý	195.548.799	253.624.817
Chi phí nhân công	8.056.376.196	7.279.814.434
Chi phí đồ dùng văn phòng	554.369.122	912.607.951
Chi phí khấu hao tài sản cố định	395.025.844	460.072.015
Thuế, phí và lệ phí	77.570.323	55.939.153
Chi phí dịch vụ mua ngoài	321.637.088	647.577.524
Chi phí khác bằng tiền	2.509.348.024	1.996.220.075
	12.109.875.396	11.605.855.969

24 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Cho thuê mặt bằng	12.121.212	151.818.187
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	67.456.363	-
Các khoản khác	-	2.040.000
	79.577.575	153.858.187

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	11.460.409	328.975.070
Thu nhập chịu thuế TNDN	11.460.409	328.975.070
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	2.292.082	65.795.014

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc	1.583.232.000	1.635.201.500

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hăng kiểm toán và Định giá ASCO kiểm toán.

Ban Lãnh đạo Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 căn cứ theo kết luận số 01/KL-TTr ngày 03/10/2023 của Thanh tra Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh. Theo đó, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được điều chỉnh như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước	Số liệu điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND	VND	
a) Bảng Cân đối kế toán					
- Các khoản phải thu khác	136	1.060.614.781	1.083.581.307	22.966.526	
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	184.652.794	143.770.895	(40.881.899)	
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	7.801.314.007	7.609.399.458	(191.914.549)	
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.763.810.863	1.942.844.944	179.034.081	
- Quỹ đầu tư phát triển	418	131.690.696	208.419.589	76.728.893	

**b) Báo cáo Kết quả hoạt
động kinh doanh**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	100.188.260.669	99.957.067.180	(231.193.489)
- Giá vốn hàng bán	11	88.751.040.630	88.494.774.211	(256.266.419)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	11.621.664.938	11.605.855.969	(15.808.969)
- Thu nhập khác	31	153.858.187	449.940.006	296.081.819
- Chi phí khác	32	-	17.260.000	17.260.000
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.854.270	65.795.014	63.940.744

Người lập biểu

Nguyễn Đình Thiện

Kế toán trưởng

Vũ Thanh Nga

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Chủ tịch



Lưu Văn Khang



DN - BÁO CÁO NGOẠI BẢNG - MẸ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Nợ phải thu khó đòi	110		147,827,041	147,827,041
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm	111		-	-
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm	112		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong nước	120		580,000,000	230,000,000
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	121		580,000,000	230,000,000
b) Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn còn lại	122		-	-
3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn nước ngoài	130		-	-
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	131		-	-
b) Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn khác còn lại	132		-	-
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong nước	140		-	-
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD	141		-	-
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	142		-	-
c) Thuế tài chính dài hạn trong nước	143		-	-
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác	144		-	-
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn nước ngoài	150		-	-
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ	151		-	-
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh	152		-	-
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả	153		-	-
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	154		-	-
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại	155		-	-
6. Nợ phải trả quá hạn	156		-	-
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang	157		96,235,228	126,245,844
8. Vốn điều lệ	200		780,009,208,477	733,252,010,017
9. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	300		525,031,107	483,371,815
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa	310		525,031,107	483,371,815
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK	330		-	-
c) Cổ tức, số lợi nhuận còn lại phát sinh phải nộp NSNN	350		-	-
10. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN	351		378,956,902	513,382,431
- Lợi nhuận đã nộp NSNN	352		-	-
11. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyên năm sau	360		242,309,433	96,235,228
12. Tổng quỹ lương	622		38,244,463,193	34,006,476,344
13. Số lao động bình quân (người)	610		448	451
14. Tiền lương bình quân người/năm	623		85,367,105	75,402,387